

ỨNG PHÓ BẠO LỰC MẠNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Thị Kim Huệ¹, Võ Hồng Noen², Trần Quốc Bảo², Phan Thị Minh Thu²

TÓM TẮT

Bạo lực mạng ngày càng gia tăng, gây lo ngại cho học sinh Trung học phổ thông (THPT). Nghiên cứu này khảo sát thực trạng và chiến lược ứng phó của học sinh THPT tại Quảng Ngãi. Kết quả cho thấy học sinh sử dụng hai nhóm chiến lược chính: (1) Ứng phó đối đầu giải quyết (tìm kiếm hỗ trợ, giải quyết vấn đề, kiểm soát cảm xúc, thay đổi nhận thức); (2) Ứng phó lảng tránh (né tránh, chấp nhận bạo lực, tự cô lập, trả đũa, tìm đến tệ nạn). Chiến lược đối đầu giúp học sinh thích ứng tốt hơn, trong khi lảng tránh có thể gây hậu quả tiêu cực. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình giáo dục nhằm nâng cao kỹ năng ứng phó lành mạnh với bạo lực mạng.

Từ khóa: *Bạo lực mạng, ứng phó, học sinh THPT.*

1. Đặt vấn đề

Albert Einstein (1879-1955) đã từng đưa ra lời tiên tri về thế giới tương lai: “Tôi sợ cái ngày mà công nghệ sẽ lấn át sự giao tiếp giữa con người với con người. Thế giới lúc đó sẽ có một thế hệ toàn những kẻ đần độn”. Albert Einstein chỉ ra mặt trái của công nghệ mà thế giới hiện đại phải đối mặt, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến sự phát triển con người và sự giao tiếp xã hội. Lời tiên tri đã trở thành hiện thực khi các nhà nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực trên khắp thế giới liên tục phát hiện ra những vấn đề liên quan đến việc sử dụng mạng và các hành vi trên mạng. Một trong những vấn đề đó là bạo lực trên không gian mạng, gọi tắt là bạo lực mạng (cyberbullying).

Bạo lực mạng đang diễn ra ngày càng phổ biến, phức tạp trên thế giới và tại Việt Nam, đặc biệt là ở thanh thiếu niên. Việt Nam được xếp vào nhóm 5 nước có chỉ số văn minh mạng (DCI) thấp nhất thế giới [4], do sự gia tăng các hành vi bạo lực mạng như kỳ thị, phân biệt đối xử, quấy rối tình dục, gạ gẫm, chê bai, công kích, gây hấn, bắt nạt, xâm hại, xúc phạm, đe dọa, miệt thị, lừa đảo, uy hiếp, thao túng, cô lập, đổ lỗi... trên môi trường mạng. Cứ 4 thanh thiếu niên thì có một người có trải nghiệm đau buồn do bị bạo lực khi sử dụng mạng xã hội.

Mỗi ngày có hơn 720.000 hình ảnh về xâm hại thanh thiếu niên được đưa lên mạng [5]. Bạo lực mạng được xem là vấn đề đáng báo động và có ảnh hưởng tiêu cực đến thanh thiếu niên, có thể mang lại những hậu quả nặng nề về thể chất và tinh thần với nạn nhân, gia đình và xã hội. Hậu quả của bạo lực mạng nghiêm trọng hơn so với các hình thức bạo lực khác [10]. Hành vi bạo lực mạng thường tinh vi, phức tạp, lặp đi lặp lại, dai dẳng. Những tổn thương của bạo lực mạng mang lại thường khó thấy, ảnh hưởng ở tầng sâu tâm lý của nạn nhân, là nguyên nhân trực tiếp của nhiều trường hợp bạo lực mạng, trầm cảm, rối loạn lo âu, tự sát ở thanh thiếu niên [6]. Thanh thiếu niên là độ tuổi gánh chịu các hậu quả này nhiều nhất. Mặt khác, thực tế hiện nay cho thấy có 79,1% dân số và 97%

người từ 15 tuổi ở Việt Nam sử dụng Internet, nhưng có đến 42% thanh thiếu niên thiếu kinh nghiệm sử dụng Internet an toàn [1]. Thực trạng này đưa nguy cơ bạo lực mạng với thanh thiếu niên nói riêng và trên môi trường mạng nói chung tại Việt Nam lên cao và rất thường xuyên trong thời gian tới nếu chúng ta không có chiến lược ứng phó hiệu quả cho vấn nạn này.

Chiến lược ứng phó bạo lực mạng của thanh thiếu niên được xem là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tình trạng bạo lực mạng và tình trạng tổn thương của họ. Các hậu quả này của bạo lực mạng có thể được giảm nhẹ nếu thanh thiếu niên áp dụng các chiến lược ứng phó hợp lý. Ứng phó là những nỗ lực không ngừng thay đổi về nhận thức và hành vi của cá nhân để giải quyết các yêu cầu cụ thể, tồn tại bên trong cá nhân và trong môi trường mà cá nhân nhận định chúng có tính đe dọa, thách thức hoặc vượt quá nguồn lực của họ.

Việc nghiên cứu thực trạng, xây dựng các mô hình ứng phó bạo lực mạng hiệu quả là điều quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay, các đề tài nghiên cứu về vấn đề này chưa được quan tâm nhiều; hầu hết các nghiên cứu đều xem xét dưới góc độ các hành vi riêng lẻ, ít có nghiên cứu đánh giá một cách toàn diện cả chiến lược tổng quát và hành vi ứng phó cụ thể của thanh thiếu niên đối với bạo lực mạng. Đặc biệt tại Quảng Ngãi, chưa có tác giả nào nghiên cứu về ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT.

Xuất phát từ các cơ sở lý luận và thực tiễn trên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Ứng phó với bạo lực mạng của học sinh THPT tỉnh Quảng Ngãi”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài tiến hành nghiên cứu với mẫu 1268 học sinh THPT ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gồm THPT chuyên Lê Khiết, THPT Trần Quốc Tuấn, THPT Võ Nguyên Giáp, THPT Lê Trung Đình theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên; bằng công cụ Google form, ở học sinh ba khối lớp 10, 11, 12; trong đó có 550 học sinh nam, 718 học sinh nữ. Việc nghiên cứu được tiến hành theo 3 giai đoạn: (1) **Giai đoạn 1:** Tổ chức nghiên cứu lý luận, xác định các phương pháp nghiên cứu, xây dựng và lựa chọn công cụ khảo sát thực trạng. (2) **Giai đoạn 2:** Tổ chức nghiên cứu thực trạng. (3) **Giai đoạn 3:** Đề xuất biện pháp, mô hình, sản phẩm. Các phương pháp được sử dụng gồm nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận và nhóm phương pháp nghiên cứu thực trạng.

Để tìm hiểu thực trạng bạo lực mạng và ứng phó bạo lực mạng, chúng tôi dựa trên mô hình ứng phó của Tobin và bảng kiểm chiến lược ứng phó của Garcia-CSI (Coping Strategies Inventory-CSI) để xây dựng bảng hỏi mới. Phiên bản gốc của CSI gồm 40 items, tập trung vào 2 chiến lược ứng phó với 8 cách ứng phó cơ bản, gồm *giải quyết vấn đề, cấu trúc lại nhận thức, tìm kiếm chỗ dựa xã hội, bộc lộ cảm xúc, lánh tránh vấn đề, mơ tưởng, cô lập và đổ lỗi cho bản thân* [9]. Sau khi tham vấn ý kiến chuyên gia, chúng tôi đã thích nghi như sau: - Xây dựng thang đo ứng phó bạo lực mạng gồm 10 items, tương ứng với 10 cách ứng phó cụ thể, thuộc hai chiến lược ứng phó lớn là chiến lược đối

đầu giải quyết vấn đề bạo lực mạng và chiến lược ứng phó lãng tránh giải quyết bạo lực mạng. - Bổ sung vào thang đo này 2 cách ứng phó là *trả đũa* và *tìm đến tệ nạn xã hội* cho phù hợp với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Mỗi loại ứng phó được đánh giá thông qua 5 items mô tả các mặt biểu hiện của loại ứng phó đó. Có 5 mức độ tần suất sử dụng cho từng mặt biểu hiện để khách thể lựa chọn với kết quả định tính được chuyển sang định lượng tương ứng như sau: 0 = *không bao giờ*, 1 = *đôi khi*, 2 = *thỉnh thoảng*, 3 = *thường xuyên*, 4 = *rất thường xuyên*. Kết quả kiểm tra độ tin cậy cronbach alpha của thang đo là 0,878. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0.

3. Kết quả nghiên cứu

Từ kết quả về độ tin cậy của thang đo, chúng tôi tiến hành phân tích thống kê mô tả, phân tích kiểm định t hai mẫu độc lập với một biến phân tử và phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA) [3].

3.1. Thực trạng ứng phó bạo lực mạng ở học sinh THPT theo lát cắt tổng quát

Thực trạng ứng phó bạo lực mạng ở học sinh THPT thành phố Quảng Ngãi theo lát cắt tổng quát được thể hiện ở Bảng 1. Bảng số liệu này cung cấp thông tin chi tiết về CUP của học sinh THPT với bạo lực mạng. Sự đa dạng trong các cách ứng phó này thể hiện sự phức tạp của vấn đề và cung cấp thông tin quan trọng để phát triển các chiến lược hỗ trợ và giáo dục đạt hiệu quả.

Bảng 1. Ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT theo lát cắt tổng quát

TT	Nội dung	Toàn mẫu	
		ĐTB	ĐLC
1	CUP lãng tránh giải quyết sự việc	0,83	0,77
1.1	CUP lãng tránh giải quyết và chấp nhận bạo lực	1,01	1,14
1.2	CUP mơ tưởng	1,38	1,28
1.3	CUP cô lập bản thân	0,88	1,07
1.4	CUP đổ lỗi cho bản thân	0,79	1,05
1.5	CUP trả đũa	0,53	0,88
1.6	CUP tìm đến tệ nạn xã hội	0,41	0,82
2	CUP đối đầu giải quyết	1,59	1,11
2.1	CUP tìm kiếm hỗ trợ xã hội	1,59	1,30

2.2	CUP giải quyết vấn đề	1,54	1,22
2.3	CUP bộc lộ và xử lý cảm xúc	1,55	1,29
2.4	CUP cấu trúc lại nhận thức	1,71	1,28

Ghi chú: CUP: cách ứng phó; $0 \leq \text{Mean} \leq 4$; ĐTB: điểm trung bình; DLC: độ lệch chuẩn

Khi bị bạo lực, học sinh THPT thực hiện cả hai chiến lược ứng phó là CUP đối đầu giải quyết và CUP ứng phó lảng tránh, trong đó CUP đối đầu giải quyết được sử dụng với mức độ thường xuyên hơn, CUP lảng tránh giải quyết ít được các bạn học sinh sử dụng hơn, với điểm trung bình lần lượt là 1,59 và 0,83. Cụ thể hơn, với CUP đối đầu giải quyết sự việc, gồm 4 cách ứng phó cơ bản: đó là tìm kiếm hỗ trợ xã hội, giải quyết vấn đề, bộc lộ và xử lý cảm xúc, cấu trúc lại nhận thức với ĐTB lần lượt là 1,59; 1,54; 1,55; 1,71. Với CUP lảng tránh giải quyết sự việc, gồm 6 cách ứng phó cụ thể với bạo lực mạng, gồm: lảng tránh và chấp nhận bạo lực, mơ tưởng, cô lập bản thân, đổ lỗi cho bản thân, trả đũa, tìm đến tệ nạn xã hội với ĐTB lần lượt là 1,01; 1,38; 0,88; 0,79; 0,53; 0,41. Trong hai cách ứng phó này, CUP đối đầu giải quyết là CUP hiệu quả và tích cực. Điều này đã được khẳng định qua nhiều nghiên cứu, như nghiên cứu của Skinner, E. A., Edge, K., Altman, J., & Sherwood, H. (2003), Hofmann, S. G., Asmundson, G. J., & Beck, A. T. (2013), Gross, J. J. (2013). Lakey, B., & Cohen, S. (2000) [7]. Chúng thường tạo ra những kết quả tích cực, không chỉ đối với tâm lý cá nhân mà còn đối với mối quan hệ xã hội và sức khỏe nói chung. Sự kết hợp linh hoạt của các chiến lược này có thể giúp học sinh phản ứng tích cực đối với những tình huống gặp phải thông qua việc giải quyết một cách hiệu quả vấn đề; phát triển khả năng giải quyết vấn đề, thích ứng linh hoạt với thay đổi; giúp tăng cường khả năng tự chủ; thay đổi cách suy nghĩ và nhìn nhận vấn đề; xây dựng và duy trì các mối quan hệ hỗ trợ xã hội, cung cấp các nguồn hỗ trợ. CUP lảng tránh giải quyết sự việc là cách ứng phó kém hiệu quả và tiêu cực. Điều này đã được khẳng định qua nhiều nghiên cứu, như nghiên cứu của McEvoy, P. M., & Mahoney, A. E. (2011), Watkins, E. R., Moberly, N. J., & Moulds, M. L. (2008), Fincham, F. D., & Bradbury, T. N. (1992), Cacioppo, J. T., Hawkley, L. C., Crawford, L. E., Ernst, J. M., Burleson, M. H., Kowalewski, R. B., ... & Berntson, G. G. (2002), McCullough, M. E., Rachal, K. C., Sandage, S. J., Worthington, E. L., Brown, S. W., & Hight, T. L. (1998), Pfefferbaum, B., Nixon, S. J., Tivis, R. D., Doughty, D. E., Hyams, K. C., & Emmerich, T. (1999) [8]. Xét dưới góc độ ngắn hạn, những CUP này có thể giảm căng thẳng tạm thời, nhưng lại thiếu thực tế, có thể làm mất cơ hội giải quyết vấn đề; về lâu dài, có thể làm tăng cường cảm giác bất an, sự mơ hồ, sự cô đơn và tách biệt, giảm sự tự tin, tăng nguy cơ xung đột và thất bại trong mối quan hệ không thể giải quyết vấn đề, đặt ra nguy cơ tăng cường vấn đề ban đầu, rủi ro về an sinh xã hội, sức khỏe và mối quan hệ. Tăng cường chu kỳ trả đũa và quấy rối, làm tổn thương quan hệ. Thiếu hỗ trợ xã hội, cảm giác cô đơn và tác động tiêu cực đến tâm lý và tinh thần [2].

Như vậy, học sinh THPT đã chọn sử dụng cách ứng phó tích cực nhiều hơn CUP tiêu cực. Tuy nhiên, tần suất của các CUP tích cực chỉ ở mức ĐTB 1,59/4. Do đó, cũng cần tác động để tiếp tục giảm thiểu tỷ lệ, tần suất sử dụng cách ứng phó tiêu cực và tăng cường tỷ lệ, tần suất sử dụng cách ứng phó tích cực. Có nhiều cách để thực hiện việc này, như tăng cường truyền thông, tổ chức hoạt động trải nghiệm về an toàn mạng, lồng ghép vào các giờ học.

Bảng 2 làm rõ thêm về tần suất của các cách ứng phó này qua phép thống kê mô tả tỷ lệ lựa chọn các mức độ cho từng cách ứng phó.

Bảng 2. Tần suất các cách ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT

TT	Nội dung	Tỷ lệ % tần suất				
		Không bao giờ	Gần như không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	CUP lảng tránh					
1.1	CUP lảng tránh giải quyết và chấp nhận bạo lực	48,9	14,7	25,2	8,6	2,6
1.2	CUP mơ tưởng	38,2	11,7	29,7	14,3	6,2
1.3	CUP cô lập bản thân	57,0	16,8	18,6	5,5	2,1
1.4	CUP đổ lỗi cho bản thân	52,8	16,4	22,9	5,8	2,1
1.5	CUP trả đũa	67,8	16,6	11,8	2,6	1,2
1.6	CUP tìm đến tệ nạn xã hội	76,2	11,7	8,5	2,7	0,9
2	CUP đối đầu giải quyết					
2.1	CUP tìm kiếm hỗ trợ xã hội	31,8	11,1	30,6	19,2	7,3
2.2	CUP giải quyết vấn đề	31,3	9,6	37,4	16,8	4,9
2.3	CUP bộc lộ và xử lý cảm xúc	34,1	8,6	31,9	19,2	6,2
2.4	CUP cấu trúc lại nhận thức	29,0	7,3	33,8	23,2	6,7

3.2. Thực trạng ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT theo lát cắt giới tính

Để so sánh sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc sử dụng các cách ứng phó bạo lực mạng, chúng tôi sử dụng phép kiểm định t 2 mẫu độc lập với một biến phân tổ independent Samples T test, với mức ý nghĩa là $\alpha = 0,05$. Kết quả được thể hiện ở Bảng 3

Bảng 3. Ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT theo lát cắt giới tính

TT	Nội dung	Toàn mẫu		Giới tính				Ghi chú
				Nam (i)		Nữ (j)		
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	CUP lảng tránh	0,83	0,77	0,71	0,79	0,92	0,73	
1.1	CUP lảng tránh giải quyết và chấp nhận bạo lực	1,01	1,14	0,88	1,16	1,12	1,12	
1.2	CUP mơ tưởng	1,38	1,28	1,01	1,26	1,60	1,26	
1.3	CUP cô lập bản thân	0,88	1,07	0,64	1,02	0,90	1,07	i<j
1.4	CUP đổ lỗi cho bản thân	0,79	1,05	0,75	1,05	0,97	1,08	
1.5	CUP trả đũa	0,53	0,88	0,52	0,91	0,53	0,86	
1.6	CUP tìm đến tệ nạn xã hội	0,41	0,82	0,41	0,85	0,40	0,80	
2	CUP đối đầu giải quyết	1,59	1,11	1,38	1,19	1,75	1,02	i<j
2.1	CUP tìm kiếm hỗ trợ xã hội	1,59	1,30	1,41	1,36	1,73	1,24	i<j
2.2	CUP giải quyết vấn đề	1,54	1,22	1,38	1,27	1,67	1,17	i<j
2.3	CUP bộc lộ và xử lý cảm xúc	1,55	1,29	1,31	1,32	1,73	1,25	i<j
2.4	CUP cấu trúc lại nhận thức	1,71	1,28	1,46	1,34	1,91	1,20	i<j

Ghi chú: Kiểm định independent Samples T test với $p < 0,05$; $0 \leq \text{Mean} \leq 4$; $n_i = ; n_j = 550$; $n_k = 718$, $N = 1268$; CUP: cách ứng phó; ĐTB: điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn

Theo đó, giữa nam và nữ có một số sự khác biệt nhất định trong cách ứng phó. Xét CUP lảng tránh, ĐTB của nam là 0,71/4, ĐTB của nữ là 0,92/4, chênh lệch 0,21 điểm, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Xét CUP đối đầu giải quyết, ĐTB của nam là 1,38, ĐTB của nữ là 1,75, nữ cao hơn nam 0,27 điểm, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Kết quả này có sự tương đồng với nhiều nghiên cứu khác, như của Tamres, L. K., Janicki, D.,

& Helgeson, V. S. (2002), Taylor, S. E., Klein, L. C., Lewis, B. P., Gruenewald, T. L., Gurung, R. A. R., & Updegraff, J. A. (2000), Fischer, A. H., & Manstead, A. S. R. (2008)... [10]. Như vậy, từ kết quả này có thể khẳng định: khi bị bạo lực mạng, nữ có xu hướng chọn các CUP tích cực thường xuyên hơn nam, gồm tìm kiếm sự hỗ trợ, giải quyết vấn đề, bộc lộ và xử lý cảm xúc, cấu trúc lại nhận thức. Do đó, trong công tác giáo dục, cần chú ý đến sự khác biệt này để lựa chọn nội dung, phương pháp một cách hợp lý.

3.3. Ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT theo lát cắt khối lớp

Bảng 4. Hành vi ứng phó bạo lực mạng của HS THPT Quảng Ngãi theo lát cắt khối lớp

TT	Nội dung	Toàn mẫu		Trường						Ghi chú
				Lớp 10 (k)		Lớp 11 (p)		Lớp 12 (q)		
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	CUP lảng tránh	0,83	0,77	0,74	0,68	0,82	0,75	0,93 2	0,84	k<q
1.1	CUP lảng tránh giải quyết và chấp nhận bạo lực	1,01	1,14	0,93	1,12	0,97	1,11	1,14	1,21	k<q
1.2	CUP mơ tưởng	1,38	1,28	1,39	1,26	1,36	1,29	1,41	1,31	
1.3	CUP cô lập bản thân	0,88	1,07	0,64	0,99	0,88	1,07	0,83	1,05	
1.4	CUP đổ lỗi cho bản thân	0,79	1,05	0,81	1,06	0,90	1,07	0,92	1,09	
1.5	CUP trả đũa	0,53	0,88	0,40	0,81	0,88	1,13	0,79	1,05	k<q
1.6	CUP tìm đến tệ nạn xã hội	0,41	0,82	0,28	0,69	0,37	0,75	0,58	0,99	k<p
2	CUP đối đầu giải quyết	1,59	1,11	1,63	1,13	1,57	1,09	1,60	1,11	
2.1	CUP tìm kiếm hỗ trợ xã hội	1,59	1,30	1,64	1,30	1,5	1,29	1,56	1,32	
2.2	CUP giải quyết	1,54	1,22	1,62	1,25	1,51	1,21	1,29	0,06	

	vấn đề									
2.3	CUP bộc lộ và xử lý cảm xúc	1,55	1,29	1,53	1,29	1,52	1,28	1,60	1,33	
2.4	CUP cấu trúc lại nhận thức	1,71	1,28 6	1,74	1,29	1,67	1,28	1,74	1,28	

Ghi chú: Kiểm định One Way Anova với $p < 0,05$; $0 \leq \text{Mean} \leq 4$; $nk = 370$; $np = 505$; $nq = 393$; $N = 1268$;
CUP: cách ứng phó; ĐTB: điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn

Để so sánh cách ứng phó bạo lực mạng của học sinh THPT theo lát cắt khối lớp, chúng tôi sử dụng phương pháp kiểm định One way Anova – phân tích phương sai một yếu tố, với mức ý nghĩa là $\alpha = 0,05$. Kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa giữa khối lớp 10 và khối lớp 12. Học sinh khối lớp 12 có xu hướng chọn cách ứng phó lảng tránh cao hơn học sinh khối lớp 10. Điều này có thể do áp lực về mặt học tập, kỳ thi đại học, các mối quan hệ xã hội của học sinh lớp 12... Do đó, bố mẹ, thầy cô cần gần gũi, lắng nghe để tạo mối quan hệ tốt đẹp, để các bạn chia sẻ, có thêm nguồn hỗ trợ xã hội.

4. Kết luận

Bạo lực mạng và ứng phó bạo lực mạng là một vấn đề cần quan tâm trong thời đại công nghệ số như hiện nay, đặc biệt ở học sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh THPT tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nhiều chiến lược ứng phó bạo lực mạng, cả chiến lược đối đầu giải quyết và chiến lược lảng tránh, chiến lược tích cực và tiêu cực, trong đó chiến lược tích cực được sử dụng thường xuyên hơn. Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định giữa nam và nữ; học sinh các khối lớp có một số sự khác biệt khi chọn cách ứng phó. Từ những kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất các biện pháp, mô hình để hình thành, phát triển năng lực ứng phó bạo lực mạng ở học sinh THPT, giúp các bạn có cuộc sống an toàn trên môi trường mạng, vững vàng trở thành công dân công nghệ số.

Biện pháp 1: Xây dựng mô hình ứng phó bạo lực mạng hướng tới ba đối tượng: nạn nhân, thủ phạm, người chứng kiến. Thực hiện trải nghiệm mô hình ứng dụng trên các trang mạng xã hội để lan tỏa giá trị nhận thức đúng đắn cho học sinh về bạo lực mạng và ứng xử văn minh trên không gian mạng.

Biện pháp 2: Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền các cách ứng phó bạo lực trên không gian mạng.

Biện pháp 3: Tiếp tục xây dựng thêm nhiều mô hình, nhiều tình huống tương ứng với thực tế, đẩy mạnh nhân rộng các mô hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2020). *42% trẻ em thiếu kỹ năng sử dụng internet an toàn*, <https://baotintuc.vn/xa-hoi/42-tre-em-thieu-ky-nang-su-dung-internet-an-toan-20200605113713921.html> truy cập ngày 5/2/2021.

- [2]. Trần Văn Công & cs. (2015). *Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục, tập 31, số 3, 11-24.
- [3]. Dự án Việt Bỉ (2009). *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*.
- [4]. Microsoft. (2020). Việt Nam 'lọt' top 5 ứng xử kém văn minh trên Internet, tại <https://vtc.vn/viet-nam-lot-top-5-ung-xu-kem-van-minh-tren-internet-ar529256.html> truy cập ngày 9/9/2023.
- [5]. World Vision. (2020). *Cẩm nang cha mẹ thời đại công nghệ số đồng hành cùng con sử dụng internet an toàn*.
- [6]. Beran, T.; Li, Q., (2007). *The Relationship between Cyberbullying and School Bullying*, *Journal of Student Wellbeing*, 1, 2 (2007) 15.
- [7]. Lakey, B., & Cohen, S. (2000). *Social support theory and measurement*.
- [8]. J. W.; Hinduja, S.(2014). *Words Wound: Delete cyberbullying and make kindness go viral*, Free Spirit Publishing.
- [9]. Tobin, D. L., Holroyd, K. A.; Reynolds, R. V. & Wigul, J. K. (1989). *The hierarchical factor structure of the Coping Strategies Inventory*. *Cognitive Therapy and Research*, 13, 343-361.
- [10]. Wang, J.; Nansel, T. R.; Iannotti, R. J., (2011). *Cyber and traditional bullying: differential association with depression*, *Journal of adolescent health*, 48 (2011) 41

RESPONDING TO CYBERBULLYING OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN QUANG NGAI PROVINCE

*Tran Thi Kim Hue*¹, *Vo Hong Noen*², *Tran Quoc Bao*², *Phan Thi Minh Thu*²

ABSTRACT

Cyberbullying is on the rise, posing significant concerns for high school students. This study examines the current situation and coping strategies of high school students in Quang Ngai.

*The findings indicate that students adopt two main coping strategies: (1) **Problem-focused coping**, including seeking support, problem-solving, emotional regulation, and cognitive restructuring; (2) **Avoidance coping**, including avoidance, acceptance of violence, self-isolation, retaliation, and engagement in harmful behaviors.*

Problem-focused coping helps students adapt better, while avoidance coping may lead to negative consequences. The study highlights the need for educational programs to equip students with healthy coping skills against cyberbullying.

Keywords: *Cyberbullying, response, high school students.*

¹Trường ĐH Phạm Văn Đồng, ²Trường THPT Chuyên Lê Khiết, Quảng Ngãi.

Email: ttkhue@pdu.edu.vn